

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/DS-ST**
Ngày: 27/6/2019
V/v “*Đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hồ Lân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Huỳnh Thị Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Thư ký TAND huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST - DS ngày 27 tháng 02 năm 2019, về việc: “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 18/4/2019, quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2019/QĐST-DS ngày 07/5/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 73A/2019/QĐST-DS ngày 15/5/2019 và thông báo tiếp tục phiên tòa số 01/TB-TA ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thiện V**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Phan Ngọc Y**, sinh năm: 2003.

Người đại diện hợp pháp của chị Y: Bà **Phan Thị M** (Mẹ ruột của Y), sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: 257/K3, ấp H xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V có mặt; bà M, chị Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiện V trình bày:

Vào ngày 20/02/2018, bà Phan Thị M có đến tiệm tạp hóa của bà V để xin cho con gái là Phan Ngọc Y đến phụ việc, đang lúc cần người phụ việc nên bà V đã

đồng ý cho chị Y phụ việc mỗi ngày khoảng 4 tiếng và một tháng chỉ làm khoảng từ 10-12 ngày. Sau khi chị Y phụ việc cho bà V được một thời gian thì bà V phát hiện bị mất nhiều tiền nên bà V đã nghi ngờ và theo dõi thì thấy chị Y có hành động lén lút cạy tủ lấy trộm tiền của bà V. Do vậy, bà V đã mời trưởng ấp đến chứng kiến sự việc. Sau đó, bà V lục soát trong túi của chị Y thì thấy có số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và một cái điện thoại di động. Bà V mở camera cho trưởng ấp và chị Y xem thì lúc này chị Y đã thừa nhận việc thường xuyên lấy trộm tiền của bà V. Vì vậy, bà V đã gửi đơn nhờ công an can thiệp giải quyết.

Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra, chị Y đã khai nhận lấy của bà V số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nhưng do chị Y chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không truy tố. Vì vậy, cơ quan Công an hướng dẫn bà V nộp đơn đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 20/3/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải. Đến ngày 22/3/2019, bà V không đồng ý với biên bản hòa giải, bà V yêu cầu đưa vụ án ra xét xử. Nay bà V yêu cầu Tòa án buộc chị Phan Ngọc Y và bà Phan Thị M có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bà V không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2019, bị đơn chị Phan Ngọc Y trình bày:

Chị Y thừa nhận có đến tiệm tạp hóa của bà V xin làm việc và trong quá trình làm việc thì chị Y đã nhiều lần lấy trộm tiền của bà V khoảng hơn 50.000.000 đồng. Số tiền chị Y lấy trộm được thì chị Y đã cho bạn chị Y mượn và tiêu xài hết. Đến nay, những người bạn của chị Y không rõ ở đâu và cũng không trả tiền lại cho chị Y. Do hoàn cảnh đang khó khăn nên chị Y yêu cầu bà V cho chị Y trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Phan Thị M trình bày:

Sự việc cháu Y lấy tiền của bà V thì chị M không biết rõ. Đến khi bà V gọi qua nhà nói cháu Y lấy trộm tiền thì bà M mới biết chuyện. Khi đến cơ quan công an thì bà M mới biết trong bóp của bé Y có 6.000.000 đồng và 1 điện thoại di động. Việc cháu Y lấy tiền là cho các bạn của Y mượn và Y tiêu xài chứ không đưa chị M dùng. Các bạn của Y mượn tiền xong đã chuyển đi nơi khác không còn ở chỗ cũ nữa. Hiện tại, cháu Y cũng không có tài sản riêng nào. Đến nay, cháu Y muốn lấy lại tiền để trả cho bà V cũng không được. Nay bà M và cháu Y sẽ cố gắng trả cho bà V 50.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà M yêu cầu được trả dần hàng tháng.

Bà M xác định cháu Y không đăng kí giấy khai sinh và chị M không đăng kí kết hôn. Do vậy, không thể xác định cha của cháu Y là ai. Mặt khác, cháu Y cũng không có bất kì tài sản riêng nào khác. Do cháu Y là vị thành niên nên chị M là mẹ cũng đồng ý trả số tiền trên. Do bận công việc nên chị M yêu cầu xin được vắng mặt trong buổi xét xử của tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 18/4/2019 và Quyết định Hoàn phiên tòa số: 69 ngày 07/5/2019 cho bị đơn chị Phan Ngọc Y. Ngày 27/5/2019, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS tòa án xét xử vắng mặt chị Y và bà M.

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật xác định là “Đòi lại tài sản” được quy định tại Điều 163,166 của BLDS và Điều 26 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đang cư trú tại xã H, huyện Thống Nhất nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì thuộc thẩm quyền của TAND huyện Thống Nhất.

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 của BLTTDS, Điều 155 BLDS không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

- Về điều luật áp dụng: Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 161, 162, 184, 228, 266 và 273 BLTTDS; Điều 155, 163, 166, 586 BLDS.

Về nội dung:

[1] Theo đơn khởi kiện và lời khai tại tòa nguyên đơn bà V yêu cầu Tòa án buộc chị Phan Ngọc Y và bà Phan Thị M có trách nhiệm trả cho bà V số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà V không yêu cầu tính lãi số tiền trên là do tự nguyện nên chấp nhận. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại buổi hòa giải ngày 20/3/2019, bị đơn chị Y và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà M cũng đã thừa nhận và sẽ liên đới cùng nhau trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà V. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà M và chị Y xin được trả dần. Trong buổi hòa giải, chị Y và bà M không có tiền trả cho bà V trước như đã hứa nên ngày 22/3/2019 bà V không đồng ý với biên bản hòa giải trên và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, bị đơn đã đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn. Do chị Y là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nào khác nên buộc bà M là người giám hộ, đại diện hợp pháp của chị Y có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho bà V theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Về án phí: Đường sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 155, 163, 166, 586 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiện V về việc “Đòi lại tài sản” đối với chị Phan Ngọc Y và bà Phan Thị M.

Buộc bà Phan Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thiện V số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2/ Về án phí:

- Bà M phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thiện V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 theo biên lai thu số 001688 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Thiện V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phan Thị M chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Phan Thị M phải chịu thêm khoản lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Hồ Lân